

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 16 -01- 2023

V/v: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Kim Thành và ông Nguyễn Văn Đồi.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lã Phú Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2022/QĐST- DS ngày 26/12/2022; giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn T**; địa chỉ: Lầu 8, 266 -268 Nam K, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D –Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số: 3161/2021/QĐ - PL ngày 27/12/2021): Ông Hoàng Thanh H - Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền lại (theo giấy ủy quyền số: 84/2022/UQ-CNĐN ngày 05/7/2022): Ông Nguyễn Huy D – Chuyên viên quan hệ khách hàng; địa chỉ: 188-190 Nguyễn Văn L, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*- Bị đơn: Ông **Phạm Minh T**, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 05 Mân Quang 5, tổ 4, phường Mân T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 07/7/2022, ông Phạm Minh T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng.

Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng, với mục đích: Tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp tín dụng, ông T đã thực hiện 02 giao dịch với tổng số tiền là 29.087.669 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 3.726.225 đồng.

Sau thời gian sử dụng, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 06/01/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Trí và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 05/7/2022, ông T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ: 35.357.981 đồng; lãi trong hạn: 1.725.487 đồng; lãi quá hạn: 862.743 đồng. Tổng cộng: 37.946.211 đồng.

Lãi suất trong hạn: 2.50%/tháng; lãi suất quá hạn: 3.75%/tháng (2.50% x 3.75%).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã quy định tại Hợp đồng. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho

Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/01/2023 là: 46.220.061 đồng.
Trong đó: Vốn gốc: 35.357.981 đồng; lãi quá hạn: 10.862.080 đồng.

** Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Minh T vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện: Ông T xác nhận có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 30.000.000 đồng, với mục đích: Tiêu dùng cá nhân. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh và kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên ông không đủ khả năng trả gốc và lãi tính đến ngày 06/10/2022 là: 41.892.201 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 35.357.981 đồng và nợ lãi: 6.534.220 đồng. Ông T đề nghị Ngân hàng hỗ trợ cho ông trả dứt điểm một lần số tiền gốc 35.357.981 đồng và miễn lãi cho ông.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và ông Phạm Minh T là *tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Ông Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/07/2021 (kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và ông Phạm Minh T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã

hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 06/01/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng ngày 07/7/2021. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Minh T phải trả số tiền: 46.220.061 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 35.357.981 đồng; lãi quá hạn: 10.862.080 đồng, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/01/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 nên cần được chấp nhận.

Lãi suất, phí tiếp tục được tính kể từ ngày 17/01/2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/07/2021 cho đến khi ông T thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Cụ thể số tiền ông Phạm Minh T phải chịu là: 2.311.003 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 của Bộ luật dân sự; Khoản

2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*” của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đối với ông Phạm Minh T.

1. Buộc ông Phạm Minh T phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền: 46.220.061 đồng (*Bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi ngàn không trăm sáu mươi một đồng*). Trong đó: Vốn gốc: 35.357.981 đồng; lãi quá hạn: 10.862.080 đồng, (lãi tạm tính đến ngày 16/01/2023) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/01/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/07/2021.

2. Án phí DS- ST: 2.311.003 đồng (*Hai triệu ba trăm mười một ngàn không trăm lẻ ba đồng*) ông Phạm Minh T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 948.655 đồng (*Chín trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006494 ngày 26/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận (*hoặc niêm yết*) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân :

- Đương sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Đông Thanh

